**TUẦN 16:**

**TOÁN:**

**TIẾT 76: LUYỆN TẬP CHUNG**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Biết làm tính và giải toán có hai phép tính.

**2. Kĩ năng:** Rèn kĩ năng làm các phép tính nhân, chia.

**Hình thành phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**Góp phần phát triển năng lực:** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy – lập luận logic.

**\*Bài tập cần làm:** Làm bài tập 1, 2, 3, 4 (cột 1,2,4).

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng:**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ, phiếu học tập.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

**2. Phương pháp, kĩ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập, đặt và giải quyết vấn đề.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.HĐ khởi động (5 phút)**  - Trò chơi: ***Tính đúng, tính nhanh:*** Giáo viên đưa ra các phép tính cho học sinh thực hiện:  216 : 3  457 : 4  726 : 6  …  - Tổng kết – Kết nối bài học.  - Giới thiệu bài – Ghi đầu bài lên bảng. | - Học sinh tham gia chơi.    - Lắng nghe.  - Mở vở ghi bài. |
| **2. HĐ thực hành (25 phút):**  **\* Mục tiêu:** Biết làm tính và giải toán có hai phép tính.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Bài 1:**  (**Cá nhân – Nhóm –  Cả lớp)**  - Giáo viên gọi học sinh nêu yêu cầu bài tập.  - Giáo viên yêu cầu học sinh làm bài cá nhân.    - Nêu cách tìm thừa số?  - **Giáo viên kết luận:**  + Muốn tìm thừa số chưa biết ta lấy tích chia cho thừa số đã biết.  + Tìm tích = TS x TS.  **Bài 2:**  **(Cá nhân – Cặp đôi - Lớp)**  - Giáo viên theo dõi, giúp đỡ học sinh còn lúng túng.    - Giáo viên củng cố phép chia hết và phép chia có dư.  **Bài 3: (Cá nhân - Lớp)**  - Yêu cầu lớp giải bài toán vào vở.  - Giáo viên đánh giá, nhận xét vở 1 số em.  - Cho học sinh làm đúng lên chia sẻ cách làm bài.    - Giáo viên củng cố 2 bước giải toán:  *+ Bước 1: tìm số máy bơm đã bán.*  *+ Bước 2: Tìm só máy bơm còn lại.*  **Bài 4 (cột 1,2,4):**  **(Trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”)**  - giáo viên tổ chức cho học sinh chơi trò chơi “Ai nhanh, ai đúng” để hoàn thành bài tập.    - Giáo viên nhận xét, tổng kết trò chơi, tuyên dương học sinh.  - Giáo viên phỏng vấn hai đội chơi:  *+ Thêm một số đơn vị ta thực hiện phép tính gì?*  *+ Gấp một số lần ta thực hiện phép tính gì?*  *+ Bớt đi một số đơn vị ta thực hiện phép tính gì?*  *+ Giảm đi một số lần ta thực hiện phép tính gì?*  - **Giáo viên củng cố:**  *+ Muốn gấp một số lên nhiều lần ta làm như thế nào?*  *+ Muốn giảm một số đi nhiều lần ta làm như thế nào?*  **Bài 4 (cột 3, 5):** *(****BT chờ*** *- Dành cho đối tượng yêu thích học toán)*    - Giáo viên kiểm tra, đánh giá riêng từng em. | - 2 học sinh nêu yêu cầu bài tập.  - Học sinh làm vào phiếu học tập (cá nhân).  - Học sinh so sánh kết quả trong nhóm (nhóm bàn).  - Chia sẻ kết quả trước lớp:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Thừa số | 324 | 3 | 150 | 4 | | Thừa số | 3 | ***324*** | 4 | ***150*** | | Tích | ***972*** | 972 | ***600*** | 600 |   - Học sinh nêu.  - Học sinh lắng nghe.    - Học sinh làm bài cá nhân.  - Chia sẻ trong cặp.  - Chia sẻ kết quả trước lớp:  a) 864     6      26       144         (...)         24           0    - Cả lớp thực hiện làm vào vở.    - Học sinh chia sẻ kết quả.  *Bài giải:*  *Số máy bơm đã bán là:*  *36 : 9 = 4 (chiếc)*  *Số máy bơm còn lại là:*  *36 - 4 = 32 (chiếc)*  *Đáp số: 32 chiếc máy*    - Học sinh tham gia chơi.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số đã cho | 8 | 12 | 56 | | Thêm 4 đơn vị | 12 | 16 | 60 | | Gấp 4 lần | 32 | 48 | 224 | | Bớt 4 đơn vị | 4 | 8 | 52 | | Giảm 4 lần | 2 | 3 | 14 |     *- Phép cộng.*  *- Phép nhân.*  *- Phép trừ.*  *- Phép chia.*  *- Muốn gấp một số lên nhiều lần ta lấy số đó nhân với số lần.*  *- Muốn giảm một số đi nhiều lần ta chia số đó cho số lần.*  - Học sinh tự làm bài rồi báo cáo sau khi hoàn thành.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Số đã cho | 20 | 4 | | Thêm 4 đơn vị | 24 | 8 | | Gấp 4 lần | 80 | 16 | | Bớt 4 đơn vị | 16 | 0 | | Giảm 4 lần | 5 | 1 | |
| **3. HĐ ứng dụng (3 phút)**    **4. HĐ sáng tạo (2 phút)** | - Về xem lại bài đã làm trên lớp. Trò chơi “Nối nhanh, nối đúng”: Nối ở cột A voiws cột B cho thích hợp:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | A |  | B | | 961 : 3 |  | 131 | | 487 : 8 |  | 320 (dư 1) | | 655 : 5 |  | 60 (dư 7) |   - Suy nghĩ và thử giải bài toán sau: *Trong kho có 970 kiện hàng được xếp thành 3 hàng. Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu kiện hàng và còn thừa mấy kiện hàng?* |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP ĐỌC - KỂ CHUYỆN (2 TIẾT):**

**ĐÔI BẠN**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu nghĩa của các từ trong bài: ***tơ tán, sao sa, tuyệt vọng, công viên.***

  - Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của người ở nông thôn và tình cảm thuỷ chung của người thành phố với những người đã giúp mình lúc gian khổ, khó khăn (trả lời được các câu hỏi 1,2,3,4).

- Kể lại được từng đoạn câu chuyện theo gợi ý. Đối với học sinh M3+ M4 kể lại được toàn bộ câu chuyện.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn kỹ năng đọc:Đọc đúng các từ, tiếng khó hoặc dễ lẫn (*san sát, nườm nượm, lấp lánh, lướt thướt,...*). Ngắt nghỉ hơi đúng sau dấu câu và giữa các cụm từ. Bước đầu biết đọc phân biệt lời người dẫn chuyện với lời các nhân vật (lời kêu cứu, lời bố).

- Rèn kỹ năng kể chuyện và kỹ năng nghe.

**Hình thành phẩm chất:** nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**Góp phần phát triển năng lực:** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\*KNS:***

*- Tự nhận thức bản thân.*

*- Xác định giá trị.*

*- Lắng nghe tích cực.*

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng:**

- Giáo viên: Tranh minh họa trong sách giáo khoa.

- Học sinh:Sách giáo khoa.

**2. Phương pháp, kĩ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động (3 phút)**   1. - Học sinh hát: *Trái đất này là của chúng mình.*   - 2 học sinh đọc bài *“Nhà rông ở Tây Nguyên”.*  - Kết nối bài học.  - Giới thiệu bài - Ghi tên bài. | - Học sinh hát.  - Học sinh thực hiện.  - Học sinh nghe giới thiệu, mở sách giáo khoa. |
| **2. HĐ Luyện đọc (20 phút)**  ***\*Mục tiêu:***  - Đọc đúng, rành mạch, biết nghỉ hơi hợp lý sau dấu chấm, dấu phẩy và giữa các cụm từ; bước đầu biết đọc phân biệt lời người  dẫn chuyện với lời các nhân vật.  ***\* Cách tiến hành:*** | |
| ***a. Giáo viên đọc mẫu toàn bài*:**  **-** Giáo viên đọc mẫu toàn bài một lượt, chú ý:  + Giọng người dẫn chuyện: thong thả, rõ ràng.  + Giọng chú bé: kêu cứu thất thanh.  + Giọng bố Thành: trầm lắng, xúc động.  ***b. Học sinh đọc nối tiếp từng câu kết hợp luyện đọc từ khó***  - Giáo viên theo dõi học sinh đọc bài để phát hiện lỗi phát âm của học sinh.    ***c. Học sinh nối tiếp nhau đọc từng đoạn và giải nghĩa từ khó:***  - Luyện đọc câu khó, hướng dẫn ngắt giọng câu dài:  *+ Ngày ấy,/ giặc Mĩ ném bom phá hoại miền bắc,/ Thành theo bố mẹ sơ tán về quê//. Mĩ thua,/ Thành về lại thị xã//.*  - Giáo viên yêu cầu học sinh đặt câu với từ ***tuyệt vọng.***    ***d. Đọc đồng thanh***  \* Nhận xét, đánh giá, chuyển hoạt động. | - Học sinh lắng nghe.    - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp câu trong nhóm.    - Nhóm báo cáo kết quả đọc trong nhóm.  - Luyện đọc từ khó do học sinh phát hiện theo hình thức: Đọc mẫu (M4) => Cá nhân (M1) => Cả lớp *(san sát, nườm nượm, lấp lánh, lướt thướt,...)*  - Học sinh chia đoạn (3 đoạn như sách giáo khoa).  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc từng đoạn trong nhóm.  - Nhóm báo cáo kết quả đọc đoạn trong nhóm.    - Đọc phần chú giải (cá nhân).  - 1 nhóm đọc  nối tiếp 3 đoạn văn trước lớp.  - Đại diện 3 nhóm đọc nối tiếp 3 đoạn văn trước lớp.  - Học sinh đọc đồng thanh toàn bài. |
| **3. HĐ tìm hiểu bài (15 phút):**  **a. Mục tiêu:** Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của người ở nông thôn và tình cảm thuỷ chung của người thành phố với những người đã giúp mình lúc gian khổ, khó khăn.  **b. Cách tiến hành: Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp** | |
| - Giáo viên yêu cầu 1 học sinh đọc to 4 câu hỏi cuối bài.  - Giáo viên hỗ trợ Trưởng ban học tập lên điều hành lớp chia sẻ kết quả trước lớp.  *+ Thành và Mến kết bạn vào dịp nào?*  *+ Lần đầu ra thị xã chơi, Mến thấy thị xã có gì lạ?*  *+ Ở công viên có những trò chơi gì?*  *+ Ở công viên, Mến đã có những hành động gì đáng khen?*  *+ Qua hành động này, em thấy Mến có đức tính gì đáng quý?*  *+ Em hiểu lời nói của bố  như thế nào?*    - Giáo viên chốt lại.  *+ Tìm những chi tiết nói lên tình cảm thủy chung của gia đình Thành đối với những người đã giúp đỡ mình?*  - Yêu cầu học sinh phát biểu theo ý cá nhân:  *+ Bài đọc nói về việc gì?*  *+ Chúng ta học được điều gì qua bài đọc?*  **=> Giáo viên chốt nội dung:** *Ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của người ở nông thôn và tình cảm thuỷ chung của người thành phố với những người đã giúp mình lúc gian khổ, khó khăn.* | - 1 học sinh đọc 5 câu hỏi cuối bài.  - Nhóm trưởng điều hành nhóm mình thảo luận để trả lời các câu hỏi (thời gian 3 phút).    *- Thành và Mến kết bạn từ ngày nhỏ, khi giặc Mĩ ném bom miền Bắc, gia đình Thành phải rời thành phố, sơ tán về quê mến ở nông thôn.*  *- Thị xã có nhiều phố, phố nào cũng nhà ngói san sát, cái cao cái thấp không giống nhà quê; những dòng xe cộ đi lại nườm  nượp; ban đêm, đèn điện lấp lánh như sao sa.*  *- Có cầu trượt, đu quay.*  *- Nghe tiếng kêu cứu, Mến lập tức lao xuống hồ cứu một em bé đang vùng vẫy tuyệt vọng.*  *- Mến rất dũng cảm và sẵn sáng giúp đỡ người khác, không sợ nguy hiểm đến tính mạng.*  - Học sinh thảo luận nhóm đôi.  - Đại diện các nhóm phát biểu suy nghĩ của mình.  *+ Ca ngợi những người sống ở làng quê rất tốt bụng,..*  - Học sinh lắng nghe.  *- Bố Thành về lại nơi sơ tán trước đây đón Mến ra chơi... những suy nghĩ tốt đẹp về người nông dân.*  - Suy nghĩ và nêu lên ý kiến của bản thân.    - Học sinh lắng nghe. |
| **4. HĐ Luyện đọc lại - Đọc diễn cảm (15 phút)**  **\*Mục tiêu:**  - Học sinh đọc đúng, ngắt nghỉ đúng chỗ, biết nhấn giọng ở những từ ngữ cần thiết.  - Bước đầu biết đọc phân biệt lời người dẫn chuyện với lời các nhân vật (lời kêu cứu, lời bố).  **\*Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| -> Giáo viên nhận xét, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét chung - Chuyển hoạt động. | - 1 học sinh M4 đọc mẫu đoạn 2+3.  - Xác định các giọng đọc.  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc phân vai.  + Phân vai trong nhóm.  + Luyện đọc phân vai trong nhóm.  - Thi đọc phân vai trước lớp: Các nhóm thi đọc phân vai trước lớp.  - Lớp nhận xét. |
| **5. HĐ kể chuyện** **(15 phút)**  **\* Mục tiêu:** Kể lại được từng đoạn của câu chuyện dựa theo tranh minh họa. Đối với học sinh M3+ M4 kể lại được toàn bộ câu chuyện.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **a. Giáo viên nêu yêu cầu của tiết kể chuyện**  - Giáo viên yêu cầu dựa theo tranh minh họa nội dung 3 đoạn trong truyện, học sinh kể lại toàn bộ câu chuyện.  **b. Hướng dẫn học sinh kể chuyện:**  - Gọi học sinh M4 kể đoạn 1.  - Giáo viên nhận xét, nhắc học sinh có thể kể theo một trong ba cách.  + Cách 1: Kể đơn giản, ngắn gọn theo sát tranh minh họa.  + Cách 2: Kể có đầu có cuối như không kĩ như văn bản.  + Cách 3: Kể khá sáng tạo.  \* Tổ chức cho học sinh kể:  - Học sinh tập kể.  - Yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.  - Giáo viên nhận xét lời kể mẫu -> nhắc lại cách kể.    **c. Học sinh kể chuyện trong nhóm**  **d. Thi kể chuyện trước lớp:**  **\* Lưu ý:**  - M1, M2: Kể đúng nội dung.  - M3, M4: Kể có ngữ điệu  \*Giáo viên đặt câu hỏi chốt nội dung bài:  *+ Câu chuyện nói về việc gì?*  *+ Câu chuyện cho ta thấy điều gì?* | - Học sinh quan sát tranh.    - Học sinh kể chuyện cá nhân.  - 1 học sinh (M3+4) kể mẫu theo tranh 1.  - Cả lớp nghe.    - Học sinh kết hợp tranh minh họa tập kể.  - Học sinh kể chuyện cá nhân (Tự lựa chon cách kể).  - Học sinh kể chuyện theo nội dung từng đoạn trước lớp.  - Học sinh đánh giá.  - Nhóm trưởng điều khiển.  - Luyện kể cá nhân.  - Luyện kể nối tiếp đoạn trong nhóm.  - Các nhóm thi kể nối tiếp đoạn trước lớp.  - Lớp nhận xét.    - Học sinh trả lời theo ý đã hiểu khi tìm hiểu bài.  - Học sinh tự do phát biểu ý kiến: *Câu chuyện cho ta thấy phẩm chất tốt đẹp của những người làng quê, họ sẵn sàng chia sẻ khó khăn với người khác, sẵn sàng hi sinh cứu người và lòng thủy chung của người thành phố đối với những người đã giúp đỡ mình.* |
| **6. HĐ ứng dụng (1phút)**    **7. Hoạt động sáng tạo (1 phút)** | - Về kể lại câu chuyện cho người thân nghe.  - Nêu suy nghĩ của mình về những người sống ở làng quê và những người sống ở thành phố, thị xã.  - Tìm hiểu những phẩm chất tốt đẹp của những người sống ở làng quê và những người sống ở thành phố, thị xã nơi mình ở và kể cho bạn cùng nghe. |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

……………………………………………………………….

**CHÍNH TẢ (Nghe – viết):**

**ĐÔI BẠN**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Viết đúng: ***Mến, lo lắng, xảy ra, chiến tranh, sẵn lòng,...***

- Nghe - viết đúng bài chính tả “***Đôi bạn”*** (đoạn 3); trình bày đúng hình thức bài văn xuôi.

- Làm đúng bài tập 2a.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn cho học sinh kĩ năng viết đúng, đẹp, rèn kĩ năng chính tả và biết viết hoa các tên người: ***Mến, Thành,..***

- Trình bày đúng hình thức văn xuôi.

**Hình thành phẩm chất:** nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**Góp phần phát triển năng lực:** NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng:**

- Giáo viên: Bảng phụ viết sẵn nội dung các bài tập chính tả.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

**2. Phương pháp, kĩ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. HĐ khởi động (3 phút)**  - Tuần qua em đã làm gì để viết đẹp hơn?  - Giáo viên đọc: ***Đức Thanh, Kim Đồng, Nùng, Hà Quảng.***  - Nhận xét bài làm của học sinh, khen em viết tốt.  - Giới thiệu bài – Ghi đầu bài lên bảng. | - Hát: *“Tiếng hát bạn bè mình”.*  - Học sinh trả lời.  - Học sinh viết.  - Lắng nghe. |
| **2. HĐ chuẩn bị viết chính tả (5 phút)**  **\*Mục tiêu:**  - Học sinh có tâm thế tốt để viết bài.  - Nắm được nội dung bài viết, biết cách trình bày đúng quy định để viết cho đúng chính tả.  **\*Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp** | |
| ***a. Trao đổi về nội dung đoạn chép*** | - 1 học sinh đọc lại.  *- Bố mến nói về phẩm chất tốt đẹp của những người sống ở làng quê luôn sẵn sàng giúp đỡ người khác khi có khó khăn, không ngần ngại khi cứu người.*  *- Đoạn viết có 6 câu.*  *- Chữ đầu đoạn, đầu câu, tên riêng.*  *- Viết sau dấu hai chấm, xuống dòng, lùi vào 1 ô, gạch đầu dòng.*  *- Mến, lo lắng, xảy ra, chiến tranh, sẵn lòng,...* |
| - Giáo viên đọc đoạn văn một lượt.  *+ Khi biết chuyện bố mến nói như thế nào?*  ***b. Hướng dẫn trình bày:***  + *Đoạn viết có mấy câu.*  + *Từ  nào trong đoạn văn phải viết hoa?*  *+ Lời của bố nói viết như thế nào?*  ***c. Hướng dẫn viết từ khó:***   - Luyện viết từ khó, dễ lẫn.   - Theo dõi và chỉnh lỗi cho học sinh. |
| **3. HĐ viết chính tả (15 phút)**:  **\*Mục tiêu:**  - Học sinh viết chính xác đoạn chính tả.  - Viết hoa chữ đầu câu, ghi dấu câu đúng vị trí. Trình bày đúng quy định bài chính tả.  **\*Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân** | |
| - Giáo viên nhắc học sinh những vấn đề cần thiết: Viết tên bài chính tả vào giữa trang vở. Chữ đầu câu viết hoa lùi vào 1 ô, quan sát kĩ từng chữ trên bảng, đọc nhẩm từng cụm từ để viết cho đúng, đẹp, nhanh; ngồi viết đúng tư thế, cầm viết đúng qui định.  - Giáo viên đọc cho học sinh viết bài.  **Lưu ý:** *Tư thế ngồi, cách cầm bút và tốc độ viết của các đối tượng M1.* | - Lắng nghe.    - Học sinh viết bài. |
| **4. HĐ chấm, nhận xét bài (3 phút)**  **\*Mục tiêu:** Giúp các em tự phát hiện ra lỗi của mình và lỗi của bạn.  **\*Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – Hoạt động cặp đôi** | |
| - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - Giáo viên đánh giá, nhận xét 5 - 7 bài.  - Nhận xét nhanh về bài làm của học sinh. | - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực.  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau.  - Lắng nghe. |
| **5. HĐ làm bài tập (5 phút)**  **\*Mục tiêu:** Rèn cho học sinh kĩ năng chính tả điền tiếng có âm đầu ***ch/tr.***  **\*Cách tiến hành:** | |
| **Bài 2a: Trò chơi  “Tìm đúng- điền nhanh”**  - Giáo viên cho học sinh nêu yêu cầu của đề bài.  - Giáo viên chia lớp thành 3 nhóm.  - Giáo viên cho các tổ thi làm bài tiếp sức, phải đúng và nhanh.  -> Giáo viên nhận xét bài đúng.  a) chăn **trâu** – **châu** chấu; **chật** chội – **trật** tự;  **chầu** hẫu – ăn **trầu.**  - Giáo viên nhận xét, tổng kết trò chơi. | - Một học sinh đọc yêu cầu của đề bài.  - Các nhóm thi đua điền các từ vào chỗ trống.  - Các nhóm làm bài theo hình thức tiếp sức.  - Học sinh đọc bài làm -> Học sinh nhận xét  - Học sinh chữa bài đúng vào vở. |
| **6. HĐ ứng dụng (3 phút)**  **7. HĐ sáng tạo (1 phút)** | - Về nhà viết lại 10 lần những chữ viết bị sai.  - Ghi nhớ, khắc sâu luật chính tả.  - Về nhà tìm 1 bài thơ hoặc bài văn, đoạn văn viết về phẩm chất tốt đẹp của những người sống ở làng quê, những người sống ở thành phố, thị xã và luyện viết cho đẹo hơn. |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI (TIẾT 1):**

**BÀI 31: HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Kể tên một số hoạt động công nghiệp, thương mại của tỉnh (thành phố) nơi các em đang sống.

- Nêu được ích lợi của các hoạt động công nghiệp, thương mại.

**2. Kĩ năng:**

- Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin: Quan sát tìm kiếm thông tin về các hoạt động công nghiệp và thương mại nơi mình sinh sống.

- Tổng hợp các thông tin liên quan đến hoạt động công nghiệp và thương mại nơi mình sinh sống.

**Hình thành phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**Góp phần phát triển năng lực:** NL tự chủ và tự học, NL giáo tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL nhận thức môi trường, NL tìm tòi và khám phá.

***\*KNS:***

*- Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin.*

***\*GD BVMT:***

*- Biết các hoạt động công nghiệp, ích lợi và một số tác hại (nếu thực hiện sai) của các hoạt động đó.*

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng:**

- Giáo viên: Các hình trang 60, 61 trong sách giáo khoa, tranh ảnh sưu tầm về chợ hoặc cảnh mua bán, một số đồ chơi, hàng hoá.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

**2. Phương pháp, kĩ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. HĐ  khởi động (5 phút)**  + Hãy kể tên các hoạt động nông nghiệp mà em biết?  +  Các hoạt động đó mang lại lợi ích gì?  - Kết nối kiến thức - Giới thiệu bài mới: Em có biết giấy, bút các em viết hay những đồ dùng khác như: kéo, compa, keo, bút màu…các em sử dụng có từ đâu và đến tay chúng ta như thế nào không? Đó là nhờ hoạt động công nghiệp chế tạo ra, để đến được tay chúng ta nhà sản xuất không thể trực tiếp cung cấp cho tất cả mọi người được mà phải nhờ một thành phần khác phân phối, đó là thương mại. Vậy hoạt động công nghiệp và thương mại là ntn xin mời các em tìm hiểu bài: ***Hoạt động công nghiệp thương mại.***  - Ghi đầu bài lên bảng. | - Học sinh hát “Quê hương tươi đẹp”.  - Học sinh trả lời.  - Lắng nghe.    - Mở sách giáo khoa. |
| **2. HĐ khám phá kiến thức (25 phút)**  **\*Mục tiêu:**  - Biết được những hoạt động công nghiệp, thương mại ở tỉnh Trà Vinh nơi các em đang sống. Nêu ích lợi của các hoạt động công nghiệp trong đời sống. GDKNS: Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin.  - Biết được các hoạt động công nghiệp và  ích lợi của hoạt động đó.  - Học sinh kể được tên một số chợ, siêu thị, cửa hàng và một số mặt hàng được mua bán ở đó. Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin.  - Học sinh kể được tên một số chợ, siêu thị, cửa hàng và một số mặt hàng được mua bán ở đó.  **\*Cách tiến hành:** | |
| **Hoạt động 1: Làm việc theo cặp**  **\*Mục tiêu:** *Biết được những hoạt động công nghiệp, thương mại ở tỉnh Trà Vinh nơi các em đang sống. Nêu ích lợi của các hoạt động công nghiệp trong đời sống. GDKNS: Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin.*  **\*Cách tiến hành:**  - Giáo viên yêu cầu từng cặp học sinh kể cho nhau nghe về hoạt động công nghiệp ở nơi các em đang sống.  - Giáo viên yêu cầu một số cặp học sinh trình bày.  - Nhận xét.  - Giáo viên giới thiệu thêm một số hoạt động như : khai thác quặng kim loại, luyện thép, sản xuất lắp ráp ô tô, xe máy, … đều gọi là hoạt động công nghiệp.  **Hoạt động 2: Hoạt động theo nhóm**  **\*Mục tiêu:** *Biết được các hoạt động công nghiệp và  ích lợi của hoạt động đó.*  **\*Cách tiến hành:**  - Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu mỗi nhóm quan sát 3 bức ảnh trong sách giáo khoa và nêu tên một hoạt động, lợi ích đã quan sát trong hình.  - Giáo viên yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.  - Giáo viên giới thiệu và phân tích về các hoạt động và sản phẩm từ các hoạt động đó như :  + Khoan dầu khí cung cấp chất đốt và nhiên liệu để chạy máy …  + Khai thác than cung cấp nhiên liệu cho các nhà máy, chất đốt sinh hoạt …  + Dệt cung cấp vải, lụa …  \***Kết luận:** *Các hoạt động như khai thác than, dầu khí, dệt .. gọi là hoạt động công nghiệp.*  **Hoạt động 3: Làm việc theo nhóm**  **\*Mục tiêu:** *Học sinh kể được tên một số chợ, siêu thị, cửa hàng và một số mặt hàng được mua bán ở đó. Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin.*  **\*Cách tiến hành:**  - Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu mỗi nhóm thảo luận theo yêu cầu trong sách giáo khoa.  - Giáo viên nêu gợi ý :  + Những hoạt động mua bán như trong hình 4, 5 trang 61 sách giáo khoa được gọi là hoạt động gì?  + Hoạt động đó các em nhìn thấy ở đâu?  + Hãy kể tên một số chợ, siêu thị, cửa hàng ở quê em.  - Giáo viên yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.  **\*Kết luận:** *Các hoạt động mua bán được gọi là hoạt động thương mại.*  **Hoạt động 4: Chơi trò chơi bán hàng**  **\*Mục tiêu:** *Học sinh kể được tên một số chợ, siêu thị, cửa hàng và một số mặt hàng được mua bán ở đó.*  **\*Cách tiến hành:**  - Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm.  - Giáo viên đặt tình huống cho các nhóm chơi đóng vai, một người bán, một số người mua.  - Một vài học sinh đóng vai.  - Nhận xét. | - Từng cặp học sinh kể cho nhau nghe.  - Một số cặp học sinh trình bày  - Các cặp khác nghe và bổ sung.    -Học sinh quan sát, thảo luận nhóm và ghi kết quả ra giấy.  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình  - Các nhóm khác nghe và bổ sung.    - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.  - Các nhóm khác nghe và bổ sung.    - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.  - Nhóm khác nghe,bổ sung. |
| **3. HĐ ứng dụng (3 phút)**  **4. HĐ sáng tạo (2 phút)** | - Nêu tên một số chợ, siêu thị nơi mình ở. Cho biết ở đó mua, bán những gì.  - Nêu một số hoạt động công nghiệp thương mại ở nơi mình ở. |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**BIẾT ƠN THƯƠNG BINH LIỆT SĨ (TIẾT 1)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh hiểu:

+ Thương binh, liệt sĩ là những người đã hi sinh xương máu vì Tổ Quốc. Chúng ta cần biết ơn, kính trọng những người thương binh, liệt sĩ.

**2. Kĩ năng:** Biết tích cực tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa các gia đình thương binh, liệt sĩ do nhà trường tổ chức.

**Hình thành phẩm chất:** yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**Góp phần phát triển năng lực:** NL tự chủ và tự học, NL giáo tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL phát triển bản thân, NL điều chỉnh hành vi đạo đức.

***\*KNS:***

*- Kĩ năng trình bày suy nghĩ.*

*- Kĩ năng xác định giá trị.*

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng:**

- Giáo viên: Bảng phụ, phấn màu. Tranh vẽ minh họa truyện “Một chuyến đi bổ ích”. Phiếu thảo luận nhóm, tranh ảnh và câu chuyện về các anh hùng (Kim Đồng, Lý Tự Trọng, Võ Thị Sáu, Trần Quốc Toản).

- Học sinh: Vở bài tập.

**2. Phương pháp, kĩ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY -  HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Hoạt động Khởi động (5 phút):**  - Kể những việc em đã làm để giúp đỡ làng xóm láng giềng?  - Kết nối kiến thức.  - Giới thiệu bài mới – Ghi bài lên bảng. | - Hát: *“Em yêu trường em”*  - Học sinh nêu.  - Lắng nghe. |
| **2. HĐ thực hành: (25 phút)**  **\* Mục tiêu:**  - Học sinh hiểu nội dung câu chuyện khuyên chúng ta phải biết quan tâm giúp đỡ gia đình thương binh và liệt sỹ.  - Học sinh biết được công việc mình cần làm để giúp đỡ gia đình thương binh và liệt sỹ.  - Học sinh biết được những hành vi nào đúng những hành vi nào sai để biết cách sử lý.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Việc 1: Tiểu phẩm “Một chuyến đi bổ ích ” (Làm việc theo nhóm -> Chia sẻ trước lớp)**  - Yêu cầu: Các nhóm chú ý nghe câu chuyện và thảo luận trả lời 3 câu hỏi sau: (treo bảng phụ có ghi 3 câu hỏi)  *1. Vào ngày 27/7, các bạn học sinh lớp 3A đi đâu?*  *2. Các bạn đến trại điều dưỡng để làm gì?*  *3. Đối với các cô chú thương binh, liệt sĩ, chúng ta phải có thái độ như  thế nào?*    - Lưu ý:  Kể chuyện, có tranh minh họa cho chuyện.  - Giáo viên tổng kết các ý kiến của các nhóm và kết luận: *Thương binh, liệt sĩ là những người đã hi sinh xương máu vì Tổ Quốc. Vì vậy chúng ta phải biết ơn, kính trọng các anh hùng thương binh, liệt sĩ.*  **Việc 2: Việc làm nào là đúng:**  **(Làm việc cặp đôi -> Chia sẻ trước lớp)**  - Yêu cầu học sinh thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi sau:  *+ Để tỏ lòng biết ơn, kính trọng đối cới cô chú thương binh, liệt sĩ chúng ta phải làm gì?*  - Ghi lại ý kiến của các nhóm lên bảng.  - Giáo viên kết luận: Về các việc học sinh có thể làm để bày tỏ lòng biết ơn các thương binh, liệt sĩ.  **Việc 3: Vì sao cần quan tâm, giúp đỡ bạn?  (Làm việc cả lớp)**  - Yêu cầu các nhóm thảo luận trả lời câu hỏi trong phiếu thảo luận.  Phiếu thảo luận:  Em hãy viết chữ Đ vào ô ◻ trước hành vi đúng, chữ S vào ô ◻ trước hành vi sai.  a) ◻ Ngày nghỉ cuối tuần, 3 bạn Mai, Nga, Vân đến nhà chú Hà là thương binh nặng giúp em Lan là con chú học bài.  b) ◻ Trêu đùa chú thương binh đang đi trên đường.  c) ◻ Vào thăm, tưới nước, nhổ cỏ mộ của các liệt sĩ.  d) ◻ Xa lánh các chú thương binh vì trông các chú xấu xí và khác lạ.  e) ◻ Thăm mẹ của chú liệt sĩ, giúp bà quét nhà, quét sân.  - Lắng nghe các nhóm trả lời và đưa ra kết luận.  - Yêu cầu học sinh giải thích vì sao việc làm ở câu b và d lại sai.  - Giáo viên kết luận: *Bằng những việc làm đơn giản tường gặp, các em hãy cố gắng thực hiện để đền đáp công ơn của các thương binh, liệt sĩ.* | - Các nhóm chú ý đọc câu hỏi, theo dõi câu chuyện. Các nhóm thảo luận trả lời câu hỏi:  *1. Vào ngày 27/7 các bạn học sinh lớp 3A đi thăm trại điều dưỡng thương binh nặng.*  *2. Các bạn đến trại thương binh nặng để thăm sức khỏe các cô chú thương binh và lắng nghe cô chú kể chuyện.*  *3. Chúng ta phải biết ơn, kính trọng các cô chú thương binh, liệt sĩ.*  - Đại diện của từng nhóm trả lời từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.  - 1, 2 học sinh nhắc lại kết luận.    - Tiến hành thảo luận cặp đôi.  - Đại diện mỗi nhóm trả lời.  Ví dụ:  *+ Chào hỏi lễ phép.*  *+ Thăm hỏi sức khỏe.*  *+ Giúp làm việc nhà.*  *+ Giúp các con của cô chú học bài.*  *+ Chăm sóc mộ thương binh, liệt sĩ.*    - Các nhóm thảo luận, trả lời vào phiếu của nhóm.    🡪 Đ  🡪 S  🡪 Đ  🡪 S  🡪 Đ  - Đại diện của nhóm làm việc nhanh nhất trả lời. Các nhóm khác lắng nghe bổ sung ý kiến và nhận xét.  - Trả lời: *Vì hành động đó thể hiện sự không kính trọng lễ phép đối với thương binh, liệt sĩ.* |
| **3. Hoạt động ứng dụng (3 phút)**    **4. HĐ sáng tạo (2 phút)** | - Sưu tầm các bài hát ca ngợi thương binh, liệt sĩ.  - Tìm hiểu gương một số anh hùng liệt sĩ như: Kim Đồng, Võ Thị Sáu, Lý Tự Trọng, Trần Quốc Toản ...  - Sưu tầm thêm những câu ca dao, tục ngữ, những mẫu chuyện nói tấm gương dũng cảm hi sinh vì Tổ quốc. |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

......................................................................................

**TẬP ĐỌC:**

**VỀ QUÊ NGOẠI**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu nghĩa các từ trong bài: ***hương trời, chân đất,...***

   - Hiểu nội dung: Bạn nhỏ về thăm quê ngoại, thấy yêu thêm cảnh đẹp ở quê, yêu những người nông dân làm ra lúa gạo. (Trả lời được các câu hỏi trong sách giáo khoa; thuộc 10 câu thơ đầu).

**2. Kĩ năng:**

- Đọc đúng các từ, tiếng khó hoặc dễ lẫn: ***đầm sen nở, ríu rít, rực màu rơm vàng, mát rợp, thuyền trôi,...***

    - Biết ngắt nghỉ hơi hợp lí khi đọc thơ lục bát.

**Hình thành phẩm chất:** yêu nước, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**Góp phần phát triển năng lực:** NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\*GD BVMT:***

*- Giáo dục tình cảm yêu quý nông thôn nước ta từ đó liên hệ và chốt lại ý thức BVMT.*

*- Môi trường thiên nhiên và cảnh vật ở nông thôn thật đẹp đẽ và đáng yêu.*

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng:**

- Giáo viên: Tranh minh họa trong sách giáo khoa.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

**2. Phương pháp, kĩ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. HĐ khởi động (3 phút)**  - Hát: “*Quê hương tươi đẹp”*  + Vì sao nhà rông phải chắc và cao  + Vì sao nói gian giữa là trung tâm của nhà rông?  - Giáo viên kết nối kiến thức.  - Giới thiệu bài. Ghi tựa bài lên bảng. | - Học sinh nghe.  - Học sinh trả lời.  - Lắng nghe.  - Mở sách giáo khoa. |
| **2. HĐ Luyện đọc (15 phút)**  **\*Mục tiêu:** Đọc đúng, rành mạch, ngắt nhịp đúng nhịp.  **\* Cách tiến hành :** | |
| ***a. Giáo viên đọc mẫu toàn bài***  - Giáo viên đọc mẫu toàn bài thơ, lưu ý học sinh đọc với giọng thiết tha, tình cảm, nhấn giọng ở những từ gợi tả: **mê** hương trời, gặp t**răng** gặp **gió**,...  ***b. Học sinh đọc nối tiếp từng dòng thơ kết hợp luyện đọc từ khó***  - Giáo viên theo dõi học sinh đọc bài để phát hiện lỗi phát âm của học sinh.    ***c. Học sinh nối tiếp nhau đọc từng đoạn và giải nghĩa từ khó:***  - Luyện đọc câu khó, hướng dẫn ngắt giọng câu dài:  - Hướng dẫn đọc câu khó:  *Em về quê ngoại/ nghỉ hè/*  *Gặp đầm sen nở/ mà mê đất trời.//*  *Gặp bà/ tuổi đã sáu mươi/*  *Quên quên nhớ nhớ/ những lời ngày xưa.//*  *(…)*  - Giáo viên giảng thêm ***quê ngoại*** *là**quê của mẹ;* ***bất ngờ*** *là việc xảy ra ngoài ý định,…*  ***d. Đọc đồng thanh:***  \* Nhận xét, đánh giá, chuyển hoạt động. | - Học sinh lắng nghe.    - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp từng câu trong nhóm.  - Nhóm báo cáo kết quả đọc trong nhóm.  - Luyện đọc từ khó do học sinh phát hiện theo hình thức: Đọc mẫu (M4) => cá nhân (M1) => cả lớp *(đầm sen nở, ríu rít, rực màu rơm vàng, mát rợp, thuyền trôi,...)*  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc từng đoạn trong nhóm.  - Nhóm báo cáo kết quả đọc từng đoạn trong nhóm.    - Đọc phần chú giải (cá nhân).    - Lớp đọc đồng thanh toàn bài đọc. |
| **3. HĐ Tìm hiểu bài (8 phút)**  **\*Mục tiêu:** Hiểu nội dung: Bạn nhỏ về thăm quê ngoại, thấy yêu thêm cảnh đẹp ở quê, yêu những người nông dân làm ra lúa gạo.  **\*Cách tiến hành:** | |
| - Cho học sinh thảo luận và tìm hiểu bài.  **\***Giáo viên hỗ trợ Trưởng ban Học tập điều hành lớp chia sẻ kết quả trước lớp.  *+ Bạn nhỏ ở đâu về thăm quê?  Câu nào cho em biết điều đó?*  *+ Quê ngoại  bạn ở đâu?*  *+ Bạn nhỏ thấy ở quê có những gì lạ?*  **\*Giáo viên kết luận:** *Mỗi làng quê ở nông thôn Việt Nam thường có đầm sen. Mùa hè, sen nở, gió đưa hương sen bay đi khắp làng. Ngày mùa, những người nông dân gặt lúa, họ tuốt lấy hạt thóc vàng rồi mang rơm ra phơi ngay trên đường làng, những sợi rơm vàng thơm làm cho đường làng trở nên rực rỡ, sáng tươi. Ban đêm ở làng quê, điện không sáng như ở thành phố nên chúng ta có thể nhìn thấy và cảm nhận được ánh trăng sáng trong.*  *+ Bạn nhỏ nghĩ gì về những người làm nên hạt gạo?*  - Cả lớp trao đổi nhóm.  **\* Giáo viên chốt lại:** *Bạn ăn gạo đã lâu, nay mới gặp những người làm ra hạt gạo. Họ rất  thật   thà. Bạn thương họ như những người ruột thịt, thương bà ngoại mình.*  *+ Chuyến về thăm ngoại đã làm cho bạn nhỏ có gì thay đổi?*  - Giáo viên nhận xét, chốt lại. | - 1 học sinh đọc 4 câu hỏi cuối bài.  - Nhóm trưởng điều hành nhóm mình thảo luận để trả lời các câu hỏi (thời gian 3 phút)  \*Trưởng ban Học tập điều khiển lớp chia sẻ kết quả.  *- Bạn nhỏ ở thành phố về thăm quê. Câu: Ở trong phố chẳng bao giờ có đâu.*  *- Ở nông thôn.*  *- Đầm sen nở ngát hương / gặp trăng gặp gió bất ngờ / con đường đất rợm màu rơm phơi / bóng tre mát rợp vai người / vầng trăng như lá thuyền trôi êm êm.*  - Học sinh lắng nghe.    - Học sinh thảo luận nhóm.  - Đại diện các nhóm lên trình bày.  - Học sinh nhận xét.    *- Bạn yêu thêm cuộc sống, yêu thêm con người sau chuyến về thăm quê.* |
| **4. HĐ học thuộc lòng bài thơ (7 phút)**  **\*Mục tiêu:** Học sinh học thuộc lòng bài thơ.  **\*Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân - cả lớp** | |
| - Giáo viên mời một số  học sinh đọc lại toàn bài thơ bài thơ.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh học thuộc khổ thơ mình thích.  - Học sinh thi đua học thuộc lòng từng khổ thơ  của bài thơ.  - Giáo viên mời 2 em thi đua đọc thuộc lòng cả bài thơ.  - Giáo viên nhận xét bạn nào đọc đúng, đọc hay. | - Học sinh đọc lại toàn bài thơ.    - Học sinh thi đua đọc thuộc lòng từng khổ của bài thơ.  - 2 học sinh đọc thuộc lòng bài thơ.  - Học sinh nhận xét.  - Lớp theo dõi, bình chọn bạn đọc đúng, hay. |
| **5. HĐ ứng dụng (1 phút)**    **6. HĐ sáng tạo (1 phút)** | - Về nhà tiếp tục luyện đọc diễn cảm bài đọc.  - Nêu một số nét đẹp của quê hương nơi mình ở.  - Vẽ một bức tranh mô tả vẻ đẹp ở làng quê, quê hương nơi mình ở hoặc vẻ đẹp của  làng quê đã từng được đến thăm. |
|  |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

..........................................................................................................

**TOÁN:**

**TIẾT 77: LÀM QUEN VỚI BIỂU THỨC**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Làm quen với biểu thức và giá trị của biểu thức

      - Biết tính giá trị của biểu thức đơn giản.

**2. Kĩ năng:** Rèn cho học sinh kĩ năng tính giá trị của biểu thức.

**Hình thành phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**Góp phần phát triển năng lực:** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* Bài tập cần làm: Bài 1, 2.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng:**

- Giáo viên: Phiếu học tập, bảng phụ.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

**2. Phương pháp, kĩ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. HĐ khởi động  (2 phút)**  - Trò chơi: ***“Điền đúng, điền nhanh”:*** TBHT tổ chức cho học sinh chơi:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | *Số đã cho* | 8 | 12 | 20 | 56 | 4 | | *Thêm 4 đơn vị* | 12 | 16 |  |  |  | | *Gấp 4 lần* | 32 | 48 |  |  |  | | *Bớt 4 đơn vị* | 4 | 8 |  |  |  | | *Giảm 4 lần* | 2 | 3 |  |  |  |   - Kết nối kiến thức.  - Giới thiệu bài – Ghi đầu bài lên bảng. | - Học sinh tham gia chơi.    - Lắng nghe. |
| **2. HĐ hình thành kiến thức mới (15 phút)**  **\* Mục tiêu:**  - Làm quen với biểu thức và giá trị của biểu thức.  - Biết tính giá trị của biểu thức đơn giản.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Việc 1: Giới thiệu biểu thức**  - Giáo viên ghi bảng 126 + 51  - Giáo viên nói: 126 cộng 51 được gọi là một biểu thức.  - Giáo viên ghi tiếp các biểu thức còn lại và giới thiệu như biểu thức 1.  **\*GVKL:** *Biểu thức là một dãy các số, dấu phép tính viết xen kẽ với nhau.*  **Việc 2: Giới thiệu về giá trị biểu thức.**  - Giáo viên yêu cầu học sinh tính: 126 + 51=?  - Vậy 177 là giá trị của biểu thức126 + 51  - Tương tự yêu cầu học sinh tính giá trị các biểu thức còn lại và nhận biết giá trị của biểu thức  **\*Chú ý:** *Viết các biểu thức trên bảng sao cho mỗi biểu thức ở một dòng.* | - Học sinh đọc.  - Học sinh đọc các biểu thức:  126 + 51;   62- 11;   13 x 3;    84: 4;  125 +10 – 4;     45: 5 +7    - Học sinh tính:  +VD:  126 + 51 = 177  - Học sinh đọc cá nhân.  - (Thực hiện tương tự VD trên) |
| **3. HĐ thực hành (15 phút).**  **\* Mục tiêu:** Biết tính giá trị của biểu thức.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Bài 1: (Cá nhân - Cặp đôi - Lớp)**  - Giáo viên hướng dẫn mẫu rồi yêu cầu học sinh làm bài.  - Giáo viên quan sát, giúp đỡ những em lúng túng chưa biết làm bài.    **Bài 2: (Cặp đôi – Lớp)**  - Treo bảng phụ.  - Yêu cầu học sinh tính giá trị của từng biểu thức và nối biểu thức với kết quả đúng.  - Yêu cầu học sinh thực hiện trên phiếu bài tập.    - Giáo viên kiểm tra kết quả làm bài của học sinh. | - Học sinh làm bài cá nhân.  - Trao đổi cặp đôi.  - Chia sẻ trước lớp:  *a)125 + 18 = 143*  *Giá trị của biểu thức 125 + 18 là 143*  *b) 161- 150 = 11*  *Giá trị của biểu thức 161- 150 = 11*  *c) 21* x *4 = 84*  *Giá trị của biểu thức 21 x4 = 84*  *d) 48 : 2 = 24*  *Giá trị của biểu thức 48 : 2 = 24*  - Thực hiện cặp đôi.  - Chia sẻ cách làm và kết quả trước lớp.  VD: +) Xét biểu thức 52 + 23   Tính nhẩm ta thấy: 52 + 23 = 75  Vậy biểu thức 52 + 23 có giá trị là 75  ( hay giá trị của biểu thức biểu thức 52 + 23 là 75) |
| **4. HĐ ứng dụng (2 phút)**    **5. HĐ sáng tạo (1 phút)** | - Về xem lại bài đã làm trên lớp. Áp dụng viết biểu thức cho bài tập sau: *Tuần đầu bán được 285 quả trứng. Tuần sau bán được 264 quả trứng.*  - Suy nghĩ và thử làm bài tập sau: *Viết biểu thức cho bài toán sau và tính giá trị của biểu thức đó: Tính số nhãn vở còn lại của cả ba bạn Hà, Lan và Linh sau khi cả ba bạn đã dùng hết 13 chiếc nhãn vở. Biết Hà có 28 nhãn vở. Lan có 19 nhãn vở. Linh có 23 nhãn vở.* |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU:**

**TỪ NGỮ VỀ THÀNH THỊ, NÔNG THÔN. DẤU PHẨY**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

      - Nêu được một số từ nói về chủ điểm thành thị và nông thôn (BT1, BT2).

- Đặt được dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong đoạn văn (BT3).

**2. Kĩ năng:** Rèn kĩ năng sử dụng dấu phẩy hợp lí trong khi viết câu.

**Hình thành phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**Góp phần phát triển năng lực:** NL tự chủ và tự học, NL giáo tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng:**

- Giáo viên: Bản đồ Việt Nam các tỉnh huyện, thị. Bảng lớp viết BT3.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

**2. Phương pháp, kĩ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. HĐ khởi động (3 phút)**  - Trò chơi “***Truyền điện***”: Giáo viên cho học sinh truyền điện nêu tên các dân tộc Việt Nam.  - Kết nối kiến thức.  - Giới thiệu bài mới - Ghi bảng đầu bài. | - Học sinh tham gia chơi.  - Học sinh nghe giới thiệu, ghi bài. |
| **2. HĐ thực hành (28 phút):**  **\*Mục tiêu:**  - Nêu được một số từ nói về chủ điểm thành thị và nông thôn (BT1, BT2).  - Đặt được dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong đoạn văn (BT3).  **\*Cách tiến hành:** | |
| **Bài  tập 1 (miệng):**  **Làm việc nhóm -> Chia sẻ trước lớp**  - Giáo viên cho học sinh đọc yêu cầu của bài.  - Giáo viên phát giấy cho các nhóm  - Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm.  - Giáo viên mời đại diện các bàn kể, kết hợp với xem bản đồ Việt Nam.      - Giáo viên chốt lại: Giáo viên treo bản đồ, kết hợp chỉ tên từng thành phố.  **Bài  tập 2 (Phiếu học tập)**  **Làm việc cá nhân -> Chia sẻ trước lớp**  - Giáo viên mời 2 học sinh đọc yêu cầu đề bài.  - Giáo viên yêu cầu làm bài cá nhân vào vở.  - Giáo viên dán 2 băng giấy, mời 2 học sinh lên bảng điền từ thích hợp vào mỗi chỗ trống trong câu. Từng em chia sẻ kết quả.  - Giáo viên nhận xét, chốt lại lời giải đúng:    **Bài tập 3:  Làm việc cặp đôi ->  Cả lớp**  - Giáo viên mời học sinh đọc yêu cầu đề bài.  - Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo nhóm.  - Giáo viên yêu cầu các nhóm dán kết quả lên bảng.  - Giáo viên củng cố về cách sử dụng dấu phẩy trong câu. | - Học sinh đọc yêu cầu của đề bài.  - Các nhóm nhận đồ dùng.  - Các em trao đổi viết nhanh tên các dân tộc tiểu số.  - Đại diện mỗi nhóm dán bài lên bảng, đọc kết quả.  - Tên các thành phố trên đất nước ta theo vị trí từ phía bắc đến phía Nam:  + Thành phố lớn tương đương 1 tỉnh: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng. Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ.  + Thành phố thuộc tỉnh tương đương 1quận huyện: Điện Biên, Thái Nguyên, Việt Trì, Nam Định, Hải Dương, Hạ Long, Thanh Hóa, Vinh, Quy Nhơn, Nha Trang, Đà Lạt,...  - Học sinh nhận xét.  - Học sinh chữa bài đúng vào vở.    - 2 học sinh đọc yêu cầu.  - Làm bài theo yêu cầu.  - Chia sẻ trước lớp -> Thống nhất.  - Học sinh chữa bài vào vở.   + Ở Thành phố:  Sự vật: nhà cao tầng, đèn cao áp, ...  Công việc: Kinh doanh, nghiên cứu khoa học, trình diễn thời trang,...  + Ở nông thôn:  Sự vật: nhà ngói, lũy tre, ruộng vườn,...  Công việc: Cấy lúa, phơi thóc, chăn trâu,...  - Học sinh đọc yêu cầu đề bài.  - Học sinh thảo luận theo nhóm.  - Đại diện các nhóm lên bảng dán kết quả của nhóm mình.  - Học sinh nhận xét.  - Học sinh sửa bài vào vở.. |
| **3. HĐ ứng dụng (3 phút)**  **4. HĐ sáng tạo (1 phút)** | - Kể tên các sự vật và công việc ở quê hương nơi mình ở.  - Viết đoạn văn ngắn kể về quê hương mình, có sử dụng dấu phẩy. |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... **TẬP VIẾT:**

**ÔN CHỮ HOA M**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Viết đúng, đẹp các chữ viết hoa ***M.***

- Viết đúng, đẹp tên riêng ***Mạc Thị Bưởi*** và câu ứng dụng theo cỡ chữ nhỏ: ***Một cây làm chẳng nên non...hòn núi cao.***

**2. Kĩ năng:** Rèn kĩ năng viết chữ. Chữ viết rõ ràng, đều nét và thẳng hàng; biết  nối nét giữa chữ viết hoa với chữ viết thường trong chữ ghi tiếng.

**Hình thành phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**Góp phần phát triển năng lực:** NL tự chủ và tự học, NL giáo tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\*GDBVMT:***

*- Giáo dục tình cảm quê hương.*

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng:**

- Giáo viên: Mẫu chữ hoa **M, T, B** viết trên bảng phụ có đủ các đường kẻ và đánh số các đường kẻ. Tên riêng và câu ứng dụng viết sẵn trên bảng lớp.

- Học sinh: Bảng con, vở Tập viết.

**2. Phương pháp, kĩ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. HĐ khởi động (3 phút)**  - Trò chơi “***Viết nhanh viết đẹp***”  - Học sinh lên bảng viết:  ***+ Yết Kiêu***  ***+ Khi đói cùng chung một dạ***  ***+Khi rét cùng chung một lòng***  - Kết nối kiến thức.  - Giới thiệu bài – Ghi đầu bài lên bảng. | - Hát: *Năm ngón tay ngoan.*  - Học sinh tham gia thi viết.    - Lắng nghe. |
| **2. HĐ nhận diện đặc điểm và cách viết (10 phút)**  **\*Mục tiêu:** Biết viết chữ hoa theo cỡ nhỏ, chữ trong câu ứng dụng trên bảng con. Hiểu nghĩa câu ứng dụng.  **\*Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp** | |
| **Việc 1: Hướng dẫn quan sát, nhận xét:**    *+ Trong tên riêng và câu ứng dụng có các chữ hoa nào?*  - Treo bảng 3 chữ.  - Giáo viên viết mẫu cho học sinh quan sát và kết hợp nhắc quy trình.  **Việc 2:****Hướng dẫn viết bảng**  - Giáo viên quan sát, nhận xét uốn nắn cho học sinh cách viết các nét.  **Việc 3: Hướng dẫn viết từ ứng dụng**  - Giới thiệu từ ứng dụng: **Mạc Thị Bưởi**  *=> Mạc Thị Bưởi* quê ở Hải Dương, là một nữ du kích hoạt động ở vùng địch tạm chiếm trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp. Bị địch bắt, tra tấn dã man, chị vẫn không khai. Bọn giặc tàn ác đã sát hại chị.  *+ Gồm mấy chữ, là những chữ nào?*  *+ Trong từ ứng dụng, các chữ cái có chiều cao như thế nào?*  - Viết bảng con.  **Việc 4: Hướng dẫn viết câu ứng dụng**  - Giới thiệu câu ứng dụng.  *=> Giải thích: Câu tục ngữ khuyên chúng ta phải đoàn kết. Đoàn kết là sức mạnh vô địch.*  + Trong từ câu dụng, các chữ cái có chiều cao như thế nào?  - Cho học sinh luyện viết bảng con. | https://lh6.googleusercontent.com/knCT6QKZiDuU_kYmzokaZOn2xlbBumX4v4ab8XkZ3gRuFb_pjC3zkaaZ_vGGDNPn2IHRONvzrpbfLIBYKH2Jrnqq48uuTGVgEv4uyZdRoLVAFl_Bvj6tqBagJ_0xP17aNXBlJghttps://lh3.googleusercontent.com/3smWrnBJoEGywBTCz_fn2GhGDpThDT6Nvh2sBovNjKQyM7z-_E_ahGp8qaOhKtBA2dHLVlAK5O7TWAvVQvveZ0DdQwoK5yby6DHXhyFquqHUWv19i_WK2XsWlTbOWOS70R_cnQhttps://lh5.googleusercontent.com/wX0L3xQ-kwWD558vkb37bXbJSZNWDZ99IVGsw2gQf7wsb_AX6Q29JHeMCQruCav6wGwAe0_km18On3gz92tOLifmBvS4J7WEm0aQVv6Pp2i0_CR67owatXXvaR8JG2AGzSSfUQ  - **M, T, B.**  - 3 Học sinh nêu lại quy trình viết.  - Học sinh quan sát.  - Học sinh viết bảng con: **M, T, B.**    - Học sinh đọc từ ứng dụng.    - 3 chữ: **Mạc Thị Bưởi.**  - Chữ M, T, h, B cao 2 li rưỡi, chữ a, c, i, ư, ơ cao 1 li.  - Học sinh viết bảng con: **Mạc Thị Bưởi.**  - Học sinh đọc câu ứng dụng.  - Lắng nghe.  - Học sinh phân tích độ cao các con chữ.  - Học sinh viết bảng: ***Một, Ba.*** |
| **3. HĐ thực hành viết trong vở (20 phút)**  **\*Mục tiêu:** Học sinh trình bày đúng và đẹp nội dung trong vở tập viết.  **\*Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp - cá nhân** | |
| **Việc 1:** Hướng dẫn viết vào vở.  - Giáo viên nêu yêu cầu viết:  **+** Viết 1 dòng chữ hoa ***M.***  + 1 dòng chữa ***T, B.***  + 1 dòng tên riêng ***Mạc Thị Bưởi.***  + 1 lần câu ứng dụng  bằng cỡ chữ nhỏ.  - Nhắc nhở học sinh tư thế khi ngồi viết và các lưu ý cần thiết.  - Giáo viên lưu ý học sinh quan sát các dấu chấm trên dòng kẻ của vở là điểm đặt bút.  **Việc 2:** Viết bài:  - Giáo viên yêu cầu học sinh viết bài, từng dòng theo hiệu lệnh.  - Theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn, giúp đỡ học sinh viết chậm.  - Đánh giá, nhận xét một số bài viết của học sinh.  - Nhận xét nhanh việc viết bài của học sinh. | - Quan sát, lắng nghe.    - Lắng nghe và thực hiện.    - Học sinh viết bài vào vở Tập viết theo hiệu lệnh của giáo viên. |
| **4. HĐ ứng dụng: (1 phút)**  **5. HĐ sáng tạo: (1 phút)** | - Về nhà luyện viết thêm để chữ viết đẹp hơn.  - Tìm thêm những câu ca dao, tục ngữ khuyên con người phải đoàn kết và tự luyện viết cho đẹp hơn. |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN:**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Biết tính giá trị của biểu thức dạng chỉ có phép cộng, phép trừ hoặc chỉ có phép nhân, chia.

- Áp dụng được việc tính giá trị của biểu thức vào dạng bài tập điền dấu “=, < , >”.

**2. Kĩ năng:** Rèn cho học sinh kĩ năng tính giá trị của biểu thức vào dạng BT điền dấu “ =, < , > ”.

**Hình thành phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**Góp phần phát triển năng lực:** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* Bài tập cần làm: Bài 1, 2, 3.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng:**

- Giáo viên: Bảng phụ, phiếu học tập.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

**2. Phương pháp, kĩ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. HĐ khởi động (2 phút)**  - Trò chơi “ ***Hái hoa dân chủ***”  + TBHT điều hành.  + 3 học sinh lên bảng (mỗi một học sinh hái một bông hoa có ghi nội dung 1 phép toán).  +Học sinh thực hiện yêu cầu của phép toán  VD:  134 + 64= ?     172- 152 = ?      32 x 4 = ?     99 : 9 =?  - Kết nối kiến thức - Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng. | - Học sinh tham gia chơi.    - Học sinh mở sách giáo khoa, trình bày bài vào vở. |
| **2. HĐ hình thành kiến thức mới (15 phút)**  **\* Mục tiêu:** Biết tính giá trị của biểu thức dạng chỉ có phép cộng, phép trừ hoặc chỉ có phép nhân, chia.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Việc 1: Hướng dẫn tính giá trị biểu thức chỉ có các phép tính cộng, trừ.**  - Ghi bảng 60 + 20 - 5  - Yêu cầu học sinh tính.  - Nêu cách thực hiện.  -> Giáo viên đánh giá.  **Việc 2. Hướng dẫn tính giá trị biểu thức chỉ có các phép tính nhân, chia.**  - Ghi bảng 49 : 7 x 5  - Yêu cầu học sinh tính.    - Nêu thứ tự thực hiện.  - > Giáo viên nhận xét. | - Học sinh đọc biểu thức.  - Thực hiện cá nhân, chia sẻ:  60 + 20 - 5 = 80 - 5                    =   75  - Thực hiện từ trái sang phải.    - Học sinh đọc biểu thức và tính giá trị biểu thức.  - Thực hiện cá nhân, chia sẻ:  49 : 7 x 5 = 7 x 5                  =   35  - Thực hiện từ trái sang phải. |
| **3. HĐ thực hành (15 phút)**  **\* Mục tiêu:** Thực hành tính giá trị của biểu thức.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Bài 1: (Cá nhân – Cặp đôi – Cả lớp)**  - Giáo viên theo dõi, hõ trợ học sinh còn lúng túng.    - Giáo viên nhận xét chung.  *- Giáo viên nêu quy ước tính giá trị của biểu thức có dấu phép cộng  và phép  trừ thì ta thực hiện các phép tính từ trái sang phải.*  **Bài 2:****(Cá nhân – Cặp đôi – Cả lớp)**  - Giáo viên theo dõi, hỗ trợ học sinh còn lúng túng.  - Giáo viên nhận xét chung.  *- Giáo viên nêu quy ước tính giá trị của biểu thức có dấu phép nhân  và phép  chia thì ta thực hiện các phép tính từ trái sang phải.*  **Bài 3:****(Trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”)**  - Yêu cầu học sinh thực hiện trên phiếu học tập.  - Gọi 1 em lên bảng làm, chia sẻ trước lớp.  - Giáo viên nhận xét.  \*Lưu ý: Tính giá trị của biểu thức -> so sánh giá trị của biểu thức -> điền dấu vào chỗ chấm.  **Bài 4:** *(BT chờ - Dành cho đối tượng yêu thích học toán)*    - Giáo viên kiểm tra, đánh giá riêng từng em. | - Học sinh làm bài cá nhân.  - Trao đổi cặp đôi.  - Chia sẻ trước lớp.  205 + 60 + 3 = 265 + 3                       =  268  387 - 7 - 80  = 380 – 80                       = 300  ( Các câu khác tương tự)    - Học sinh làm bài cá nhân, đổi chéo vở để kiểm tra, chia sẻ trước lớp.  VD: 81 : 9 x 7 = 9 x 7                          = 63  - Nêu lại quy ước tính.    - Học sinh làm phiếu cá nhân.  55 : 5 x 3 <    32  47            =   84 - 34 -3  20 + 5      <   40 : 2 + 6    - Học sinh tự làm bài rồi báo cáo sau khi hoàn thành.  Bài giải:  *Cả 2 gói mì cân nặng:*  *80 x2 = 160 (g)*  *Cả 2 gói mì và một hộp sữa cân nặng:*  *160 + 455 = 615 (g)*  *Đáp số: 615 g* |
| **4. HĐ ứng dụng (2 phút)**    **5. HĐ sáng tạo (1 phút)** | - Về nhà xem lại bài trên lớp. Áp dụng viết biểu thức cho bài toán sau rồi tính giá trị của biểu thức đó: *Lấy số tự nhiên lớn nhất có hai chữ số chia cho 3 rồi lại nhân 7.*  - Thử suy nghĩ cách tính giá trị của biểu thức có cả phép cộng, phép trừ, phép nhân và phép chia. |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

......................................................................................

......................................................................................

**TOÁN:**

**TIẾT 79: TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC (TIẾP THEO)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Biết cách tính giá trị của biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia.

- Áp dụng được cách tính giá trị của biểu thức để xác định giá trị đúng, sai của biểu thức.

**2. Kĩ năng:** Rèn cho học sinh kĩ năng tính giá trị của biểu thức.

**Hình thành phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**Góp phần phát triển năng lực:** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

**\*Bài tập cần làm:** Làm bài tập 1, 2, 3, 4 (dòng 3, 4).

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng:**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ, phấn màu.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

**2. Phương pháp, kĩ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập, đặt và giải quyết vấn đề.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.HĐ khởi động (2 phút):**  - Trò chơi: ***Nối nhanh, nối đúng:***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 40+ 20 -10 |  | 70 | | 60 -30 +40 | 50 | | 32 : 8 x 5 | 20 | | 9 x 9 : 9 | 9 |   - Cách chơi: Gồm hai đội, mỗi đội có 4 em tham gia chơi. Khi có hiệu lệnh nhanh chóng lên nối phép tính với kết quả đúng. Đội nào nhanh và đúng hơn thì đội đó thắng, các bạn học sinh còn lại cổ vũ cho 2 đội chơi.  - Tổng kết – Kết nối bài học.  - Giới thiệu bài – Ghi đầu bài lên bảng. | - Học sinh tham gia chơi.    - Lắng nghe.  - Mở vở ghi bài. |
| **2. HĐ hình thành kiến thức mới (15 phút):**  **\* Mục tiêu:** Biết cách tính giá trị của biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Việc 1.  Thực hiện tính giá trị của biểu thức**  - Viết bảng: 60 + 35 : 5.  - Yêu cầu thực hiện tính.    - Vậy 2 cách trên cách nào đúng.  - Yêu cầu làm: 86 – 10 x 4  - Nhận xét chữa bài.  - Giáo viên nêu quy tắc tính: *Nếu biểu thức có các phép cộng trừ nhân chia ta thực hiện nhân chia trước cộng trừ sau.*  \*Lưu ý giúp đỡ đối tượng M1, M2 nắm kĩ được quy tắc để thực hiện tính giả trị của biểu thức | - Biểu thức 60 + 35 : 5  *C1:* 60 + 35 : 5 = 95 : 5                   = 19  *C2:* 60 + 35 : 5 = 60 + 7                    = 67  - Cách 2 thực hiện đúng.  - 2 học sinh nêu lại cách tính.  - Lớp làm nháp.  - 1 học sinh lên bảng làm bài -> chia sẻ.  - 2 học sinh nhắc lại cách tính.  - Nêu quy tắc.  - Một số học sinh nhắc lại quy tắc. |
| **3. HĐ thực hành (15 phút):**  **\* Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức làm bài tập 1,2,3.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Bài 1:**  **(Cá nhân – Cặp đôi – Lớp)**  - Giáo viên theo dõi, hỗ trợ học sinh còn lúng túng.    - Giáo viên nhận xét chung.  **Bài 2:**  **(Trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”)**  - Giáo viên tổ chức trò chơi “Ai nhanh, ai đúng” để hoàn thành bài tập  - Giáo viên nhận xét, tổng kết trò chơi, tuyên dương học sinh.  **Bài 3**: **(Cá nhân - Lớp)**  - Yêu cầu lớp giải bài toán vào vở.  - Giáo viên đánh giá, nhận xét vở 1 số em.  - Cho học sinh làm đúng lên chia sẻ cách làm bài.    **Bài 4: *(BT chờ*** *- Dành cho đối tượng hoàn thành sớm)*  - Giáo viên kiểm tra, đánh giá riêng từng em. | - Học sinh làm bài cá nhân sau đó trao đổi cặp đôi rồi chia sẻ kết quả:  a)    253 + 10 x 4      = 253 + 40      = 293               (...)  b)    30 x 8 + 50      = 240 + 50      = 290             (...)    - Học sinh tham gia chơi.  VD: a) 37 – 5 x 5 = 12        **Đ**          b)180 + 30 : 6 = 35       **S**          (...)    - Cả lớp thực hiện làm vào vở.    - Học sinh chia sẻ kết quả.  *Bài giải:*  *Số táo của mẹ và chị hái được tất cả là:*  *60 +35 = 95 (quả)*  *Số táo của mỗi hộp là:*  *95 : 5 = 19 (quả)*  *Đáp số: 19 quả táo*  - Học sinh tự làm bài rồi báo cáo sau khi hoàn thành: |
| **4. HĐ ứng dụng (2 phút)**    **5. HĐ sáng tạo (1 phút)** | - Về xem lại bài đã làm trên lớp. Áp dụng giải bài toán sau: *Lớp 3A có 17 học sinh nam, 19 học sinh nữ. Số học sinh lớp 3A được chia đều vào 3 tổ. Hỏi mỗi tổ có bao nhiêu học sinh?*  - Suy nghĩ cách tính giá trị của biểu thức có chứa dấu ngoặc. |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**CHÍNH TẢ (Nhớ - viết):**

**VỀ QUÊ NGOẠI**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Nhớ - viết đúng bài chính tả (viết 10 dòng thơ đầu của bài ***Về quê ngoại***); trình bày đúng hình thức thể thơ lục bát.

- Làm đúng các bài tập bài tập 2a; phân biệt tiếng có âm đầu dễ lẫn: ***ch/tr***.

- Viết đúng: ***hương trời, ríu rít, rực màu, lá thuyền, êm đềm,...***

**2. Kĩ năng:**

- Rèn luyện kỹ năng viết đúng chính tả.

- Biết viết hoa các chữ đầu dòng, đầu câu thơ.

- Kĩ năng trình bày bài thơ khoa học.

**Hình thành phẩm chất:** nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**Góp phần phát triển năng lực:** NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng:**

- Giáo viên: Bảng lớp viết 2 lần các từ ngữ trong bài tập 2. Bảng viết nội dung bài tập 3a.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

**2. Phương pháp, kĩ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. HĐ khởi động (3 phút)**    - Kết nối kiến thức.  - Giới thiệu bài, ghi đầu bài lên bảng. | - Hát: *“Chữ đẹp nết càng ngoan”.*  - Nêu nội dung bài hát.  - Trưởng ban học tập tổ chức cho học sinh chơi trò chơi: “***Viết đúng viết nhanh***”: ***làng quê, đất nước, sẻ nhà sẻ cửa, chiến tranh***  - Lắng nghe.  - Mở sách giáo khoa. |
| **2. HĐ chuẩn bị viết chính tả (5 phút)**:  **\*Mục tiêu:**  - Học sinh có tâm thế tốt để viết bài.  - Nắm được nội dung bài viết, luyện viết những từ ngữ khó, dễ lẫn, biết cách trình bày đúng quy định để viết cho đúng chính tả, trình bày đúng hình thức bài thơ.  **\*Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp** | |
| ***a. Trao đổi về nội dung đoạn chép***   - Giáo viên đọc 10 dòng thơ một lượt.  *+ Bạn nhỏ thấy ở quê có những gì lạ?*    ***b. Hướng dẫn cách trình bày:***  *+ Đoạn viết gồm mấy câu?*  *+ Nhắc lại cách trình bày đoạn thơ viết theo thể lục bát?*  *+  Những chữ nào trong bài chính tả phải viết hoa? Vì sao?*  ***c. Hướng dẫn viết từ khó:***   - Trong bài có các từ nào khó, dễ lẫn?  - Giáo viên đọc từ khó, dễ lẫn cho học sinh viết. | - 1 học sinh đọc lại.  *- Ở quê có: đầm sen nở ngát hương, gặp trăng, gặp gió bất ngờ, con đường đất rực màu rơm phơi, bóng tre rợp mát, vầng trăng như lá thuyền trôi.*  *+ Có 10 câu.*  *+ Câu 6 lùi vào 2 ô so với lề vở. Câu 8 lùi vào 1 ô.*  *+ Các chữ đầu dòng thơ (đầu câu).*  - Học sinh nêu các từ: *hương trời, ríu rít, rực màu, lá thuyền, êm đềm,...*  - 3 học sinh viết bảng. Lớp viết bảng con. |
| **3. HĐ viết chính tả (15 phút)**:  **\*Mục tiêu:**  - Học sinh viết chính xác bài chính tả.  - Viết hoa chữ đầu câu, ghi dấu câu đúng vị trí.  **\*Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân** | |
| - Giáo viên nhắc học sinh những vấn đề cần thiết: Viết tên bài chính tả vào giữa trang vở. Chữ đầu của mỗi câu thơ 6 chữ viết hoa lùi vào 2 ô. Chữ đầu của mỗi câu thơ 8 chữ viết hoa lùi vào 1 ô..., chú ý tư duy và ghi nhớ lại các từ ngữ, đọc nhẩm từng cụm từ để viết cho đúng, đẹp, nhanh; ngồi viết đúng tư thế, cầm viết đúng qui định.  - Giáo viên cho học sinh viết bài.  **Lưu ý:** *Tư thế ngồi, cách cầm bút và tốc độ viết của các đối tượng M1.* | - Lắng nghe.    - Học sinh viết bài. |
| **4. HĐ chấm, nhận xét bài (3 phút)**  **\*Mục tiêu:** Giúp học sinh nhận ra lỗi sai trong bài chính tả, biết sửa lỗi và ghi nhớ cách trình bày đúng hình thức của bài thơ viết theo thể lục bát chính tả.  **\*Cách tiến hành: Hoạt động cặp đôi** | |
| - Giáo viên gọi 1 học sinh M4 đọc lại bài viết cho các bạn soát bài.  - Giáo viên đánh giá, nhận xét 5 - 7 bài.  - Nhận xét nhanh về bài làm của học sinh. | - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau.  - Lắng nghe. |
| **5. HĐ làm bài tập (7 phút)**  **\*Mục tiêu:** Làm đúng các bài tập điền tiếng có vần ***tr/ch*** (Bài tập 2a).  **\*Cách tiến hành:** | |
| **Bài 2a: Làm việc cá nhân -> Chia sẻ trước lớp**  - Gọi học sinh đọc yêu cầu bài  - Hướng dẫn học sinh làm bài.  - Giáo viên chốt lại lời giải đúng.    - Nhận xét, đánh giá. | - Học sinh thực hiện theo yêu cầu.  - Học sinh làm bài cá nhân-> chia sẻ trước lớp  -***Dự kiến đáp án:***  a) Điền vào chỗ trống ch/ tr:  *Công* ***ch****a như núi Thái Sơn.*  *Nghĩa mẹ như nước* ***tr****ong nguồn* ***ch****ảy ra.*  *Một lòng thờ mẹ kính* ***ch****a.*  *Cho* ***tr****òn* ***ch****ữ hiếu mới là đạo con.* |
| **6. HĐ ứng dụng (1 phút)**    **7. HĐ sáng tạo (1 phút)** | - Về viết lại 10 lần những chữ đã viết sai.  - Tìm và viết ra 5 từ có chứa tiếng bắt đầu bằng ***ch/tr.***  - Sưu tầm các câu thơ, ca dao, lục bát hoặc bài hát nói quê hương đất nước và tự luyện viết cho đẹp. |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

...........................................................................................

**TẬP LÀM VĂN:**

**NÓI VỀ THÀNH THỊ, NÔNG THÔN**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Bước đầu biết kể về thành thị, nông thôn dựa theo gợi ý (BT2).

**2. Kĩ năng:** Rèn cho học sinh kĩ năng nói, viết.

**Hình thành phẩm chất:** yêu nước, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**Góp phần phát triển năng lực:** NL tự chủ và tự học, NL giáo tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\*GD BVMT:***

*- Giáo dục ý thức tự hào  về cảnh quan môi trường trên các vùng đất quê hương.*

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng:**

- Giáo viên: Bảng phụ viết gợi ý nói về nông thôn (hoặc thành thị) bài tập 2.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

**2. Phương pháp, kĩ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động  của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. HĐ khởi động (5 phút)**  - 3 học sinh giới thiệu về tổ mình và các bạn trong tổ.  - Nhận xét, tuyên dương học sinh.  -  Kết nối kiến thức - Giới thiệu bài mới.  - Ghi đầu bài lên bảng. | - 3 học sinh thực hiện.  - Lắng nghe.  - Mở sách giáo khoa. |
| **2. HĐ hình thành kiến thức: (25 phút)**  **\*Mục tiêu:** Bước đầu biết kể về thành thị, nông thôn dựa theo gợi ý.  **\*Cách tiến hành:** **Làm việc cá nhân -> Cặp đôi ->  Cả lớp** | |
| - Yêu cầu đọc gợi ý.  *+ Nhờ đâu em biết?* *(Em biết khi đi chơi, khi nghe kể,...).*  *+ Cảnh vật, con người ở nông thôn (thành thị) có gì đáng yêu?*  *+ Em thích nhất điều gì nhất?*  - Yêu cầu học sinh kể cá nhân -> theo cặp -> trước lớp.  - Giáo viên theo dõi, hướng dẫn học sinh kể.  - Yêu cầu kể trước lớp.  - Theo dõi nhận xét: Học sinh giới thiệu chân thực - đầy đủ ý - gây ấn tượng nhất về thành thị (nông thôn),...  - Tuyên dương học sinh làm tốt. | - Đọc đề bài và đọc gợi ý  + Đọc thầm gợi ý và nêu đề tài mình chọn.    - Học sinh kể theo yêu cầu.  - Học sinh hoàn thiện yêu cầu bài.  - 6 học sinh kể trước lớp.  - Cả lớp theo dõi và nhận xét.  - Bình chon bạn kể hay nhất. |
| **3. HĐ ứng dụng (3 phút)**  **4. HĐ sáng tạo  (2 phút)** | - Về nhà tiếp tục kể về nông thôn (thành thị).  - Viết một bức thư cho người bạn ở nơi xa để kể cho bạn hiểu biết hơn về nông thôn (thành thị) nơi mình đang ở. |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

.........

**TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI (TIẾT 2):**

**BÀI 32: LÀNG QUÊ VÀ ĐÔ THỊ**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Nêu được một số đặc điểm của làng quê hoặc đô thị.

**2. Kĩ năng:**

-Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin: So sánh tìm ra những đặc điểm khác biệt giữa làng quê và đô thị.

- Tư duy sáng tạo thể hiện hình ảnh đặc trưng của làng quê và đô thị.

**Hình thành phẩm chất:** yêu nước, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**Góp phần phát triển năng lực:** NL tự chủ và tự học, NL giáo tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL nhận thức môi trường, NL tìm tòi và khám phá.

***\*KNS:***

*- Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin.*

*- Tư duy sáng tạo.*

***\*GD BVMT:***

*- Nhận ra sự khác biệt giữa mơi trường sống ở làng quê và mơi trường sống ở đô thị.*

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng:**

- Giáo viên: Hình vẽ trang 62, 63 sách giáo khoa.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

**2. Phương pháp, kĩ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. HĐ  khởi động (5 phút)**  *+ Hãy nêu ích lợi của hoạt động công nghiệp?*  *+ Kể tên một số chợ, siêu thị mà em biết. Ở đó, người ta mua bán những gì?*  - Kết nối kiến thức - Giới thiệu bài mới - Ghi đầu bài lên bảng. | - Học sinh hát “Cùng múa hát dưới trăng”  - Học sinh nêu.  - Mở sách giáo khoa. |
| **2. HĐ khám phá kiến thức (25 phút)**  **\*Mục tiêu:**  - Học sinh phân biệt được sự khác nhau giữa làng quê và đô thị. Nêu được một số đặc điểm của làng quê hoặc đô thị.  - Học sinh kể được tên những nghề nghiệp mà người dân ở làng quê và đô thị thường làm.  - Học sinh khắc sâu và tăng thêm hiểu biết về đất nước.  **\*Cách tiến hành:** | |
| **Hoạt động 1: Làm việc theo nhóm**  **\*Mục tiêu:** *Tìm hiểu về phong cảnh, nhà cửa, đường sá ở làng quê và đô thị.*  **\*Cách tiến hành:**  - Giáo viên chia lớp thành các nhóm, yêu cầu mỗi nhóm quan sát các hình trang 62, 63 sách giáo khoa và thảo luận, nêu rõ sự khác nhau giữa làng quê và đô thị.  - Giáo viên yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | ***Làng quê*** | ***Đô thị*** | | ***Phong cảnh*** | Nhiều cây cối, ruộng vườn | Chật hẹp, ít cây cối | | ***Nhà cửa*** | Nhà mái ngói có vườn cây nuôi động vật | Nhà cao tầng không có vườn cây nuôi động vật | | ***Đường sá*** | Đường làng, bờ ruộng | Đường bê tông, lát gạch, đường nhựa | | ***Hoạt động giao thông*** | Chủ yếu là đi bộ, ít xe cộ chỉ có xe bò, máy cày, xe đạp | Nhiều xe  cộ, nhất là xe máy, nhiều khi tắc đường. | | ***Hoạt động sinh sống chủ yếu của nhân dân.*** | Làm ruộng, trồng rau, nuôi lợn, gà | Làm việc ở các nhà máy, xí nghiệp, bán hàng |   **\*Kết luận:** *Ở làng quê, người dân thường sống bằng nghề trồng trọt, chăn nuôi chài lưới và các nghề thủ công,…; xung quanh nhà thường có vườn cây, chuồng trại,…; đường làng nhỏ, ít người và xe cộ qua lại. Ở đô thị, người dân thường đi làm trong các công sở, cửa hàng, nhà máy,…; nhà ở tập trung san sẻ đường phố có nhiều người và xe cộ đi lại.*  **Hoạt động 2: Thảo luận nhóm**  **\*Mục tiêu:** *Học sinh kể được tên những nghề nghiệp mà người dân ở làng quê và đô thị thường làm.*  **\*Cách tiến hành:**  - Giáo viên chia lớp thành các nhóm, yêu cầu mỗi nhóm căn cứ vào kết quả thảo luận ở hoạt động 1 để tìm ra sự khác biệt về nghề nghiệp của người dân ở làng quê và đô thị.  - Giáo viên yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.   |  |  | | --- | --- | | ***Nghề nghiệp ở làng quê*** | ***Nghề nghiệp ở đô thị*** | | Trồng trọt, làm ruộng, chăn nuôi, đánh cá, làm các nghề thủ công … | Buôn bán, xây dựng, kĩ sư xây dựng, kĩ thuật viên … |   - Giáo viên nhận xét.  **\*Kết luận:** *Ở làng quê, người dân thường sống bằng nghề trồng trọt, chăn nuôi chài lưới và các nghề thủ công,… Ở đô thị, người dân thường đi làm trong các công sở, cửa hàng, nhà máy, …*  **\* GDKNS:**  *- Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin: So sánh tìm ra những đặc điểm khác biệt giữa làng quê và đô thị.*  *- Tư duy sáng tạo thể hiện hình ảnh đặc trưng của làng quê và đô thị.*  **\*GDMT:** *Nhận ra sự khác biệt giữa môi trường sống ở làng quê và môi trường sống ở đô thị.*  **Hoạt động 3: Vẽ tranh**  **\*Mục tiêu:** *Khắc sâu và tăng thêm hiểu biết của học sinh về đất nước.*  **\*Cách tiến hành:**  - Giáo viên nêu chủ đề: Hãy vẽ về thành phố (thị xã) quê em.  - Giáo viên yêu cầu học sinh vẽ tranh giới thiệu bất kì một phong cảnh nào nơi em sinh sống và nghề nghiệp đặc trưng ở làng quê mình  - Giáo viên gợi ý: *Vẽ cảnh gì? Ở đâu? Nơi đó có những ai, những nhân vật nào? Con người ở đó làm nghề gì?*  - Phát cho mỗi nhóm một tờ giấy lớn yêu cầu mỗi nhóm trình bày tranh theo cách nghĩ và thảo luận của từng nhóm.  - Giáo viên nhận xét. | - Học sinh quan sát và thảo luận  - Học sinh thảo luận nhóm và ghi kết quả ra giấy.  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình  - Các nhóm khác nghe và bổ sung.    - Học sinh lắng nghe.    - Học sinh thảo luận nhóm và ghi kết quả ra giấy.  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình  - Các nhóm khác nghe và bổ sung.    - Học sinh tiến hành vẽ  - Học sinh trình bày về bức tranh của mình. |
| **3. HĐ ứng dụng (3 phút)**  **4. HĐ sáng tạo (2 phút)** | - Kể tên một số nghề nghiệp ở làng quê, đô thị mà em biết.  - Tìm hiểu một số nghề nghiệp ở nơi mình ở và kể cho các bạn cùng nghe. |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**THỦ CÔNG:**

**CẮT, DÁN CHỮ E**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh biết  cách kẻ, cắt, dán chữ E.

- Kẻ cắt dán được chữ E. Các nét chữ tương đối thẳng và đều nhau. Chữ dán tương đối phẳng.

- Với học sinh khéo tay: Kẻ cắt dán được chữ E. Các nét chữ  thẳng và đều nhau. Chữ dán phẳng.

**2. Kỹ năng:** Rèn kĩ năng kẻ, cắt, dán được chữ E đúng quy trình kĩ thuật.

**Hình thành phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**Góp phần phát triển năng lực:** NL tự chủ và tự học, NL giáo tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng:**

- Giáo viên: Mẫu chữ E; tranh quy trình kẻ, cắt, dán chữ E, giấy màu, thước kẻ, bút chì, kéo, hồ dán .

- Học sinh:  Giấy màu, thước kẻ, bút chì, kéo, hồ dán.

**2. Phương pháp, kĩ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. HĐ khởi động (5 phút)**  - Kiểm tra dụng cụ, đồ dùng học tập của học sinh và nhận xét.  - Giới thiệu bài mới. | - Hát bài: ***Năm ngón tay ngoan.***  - Học sinh kiểm tra trong cặp đôi, báo cáo giáo viên. |
| **2. HĐ quan sát và nhận xét** **(10 phút)**  **\*Mục tiêu:**  - Biết  cách kẻ, cắt, dán chữ E.  - Kẻ cắt dán được chữ E. Các nét chữ tương đối thẳng và đều nhau. Chữ dán tương đối phẳng.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Việc 1: Hướng dẫn học sinh quan sát và nhận xét**  - Giáo viên cho học sinh quan sát mẫu chữ E.  *+ Chữ E rộng mấy ô, cao mấy ô?*  - Cho học sinh nhận xét chữ E.    - Giáo viên nhận xét, dùng mẫu chữ để rời gấp đôi theo chiều ngang.  **Việc 2: Hướng dẫn quy trình kẻ, cắt, dán chữ E**  - Giáo viên hướng dẫn quy trình trên hình vẽ:  - Kẻ cắt hình chữ nhật có chiều dài 5 ô, rộng 2,5 ô trên mặt trái của tờ giấy thủ công.  - Chấm các điểm đánh dấu hình chữ E vào hình chữ nhật. Sau đó, kẻ chữ E theo các điểm đã đánh dấu.  Bước 1:  Kẻ chữ  E.  Bước 2: Cắt chữ  E.  - Gấp đôi hình chữ nhật đã kẻ chữ E theo đúng đường dấu giữa sau đó cắt theo đường kẻ nửa chữ E, bỏ phần gạch chéo. Mở ra được chữ E như chữ mẫu.  Bước 3:  Dán chữ  E.  - Kẻ một đường chuẩn, đặt ướm chữ mới cắt vào đường chuẩn cho cân đối. Bôi hồ vào mặt kẻ ô của từng chữ và dán vào vị trí đã định. | - Học sinh quan sát  *- Nét chữ rộng 1 ô, cao 5 ô.*  *- Chữ E có nửa phía trên và nửa phía dưới giống nhau. Nếu gấp đôi chữ E theo chiều ngang thì nửa trên và nửa dưới của chữ trùng khít nhau.*  - Học sinh theo dõi.    - Học sinh theo dõi.  https://lh4.googleusercontent.com/ueDLmAVhiLGEx4e8-sHHIwzmaVsL8sznTqopm6fmgd5NqI7Y5q8zjuJxakAX7M_eyGIXsSqu4wmdRxBt5zQHWcTdFtcRGvqAGCdJpPnhIWxpH55YRGZH8K4adVstna39t2Z7SQ  https://lh5.googleusercontent.com/NxKxcuJlI-MYM-ren6MtKlwi0kxVIQqxmdLy-Ed7YOtpz7Sh7sqedjZS3X0dxtjGfgdM_TK1_aDqWc5tDUa7mqIi0Co4VoxVxuftU9O5C4I37vkabuKtduP_nr0HxU1mkYKpKw |
| **3. HĐ thực hành (15 phút)**  **\*Mục tiêu:**  - Biết cách kẻ, cắt, dán chữ H, U.  - Kẻ, cắt, dán được chữ H, U. Các nét chữ tương đối thẳng và đều nhau. Chữ dán tương đối phẳng.  **\*Cách tiến hành** | |
| - Giáo viên tổ chức cho học sinh tập kẻ, cắt chữ E trên giấy nháp.  - Giáo viên theo dõi, hỗ trợ học sinh còn lúng túng.  - Cho  học sinh lên thực hiện.  - Nhận xét một số bài kẻ, cắt chữ đẹp. | - Thực hành cắt, kẻ, dán chữ E trên giấy nháp:  + Học sinh tập gấp, cắt chữ E.  + Học sinh tập kẻ, cắt chữ E bằng giấy nháp.  + Học sinh tập dán chữ E.  + Đổi chéo sản phẩm, góp ý. |
| **4. HĐ ứng dụng (4 phút)**  **5. HĐ sáng tạo (1 phút)** | - Về nhà tiếp tục thực hiện gấp, kẻ, cắt chữ E.  - Dùng các sản phẩm để trang trí vào góc học tập của mình. |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

..........................................................................................................................................................................................

**TOÁN:**

**TIẾT 80: LUYỆN TẬP**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Biết tính giá trị của biểu thức các dạng: chỉ có phép cộng, phép trừ; chỉ có phép nhân, phép chia; có các phép cộng, trừ, nhân, chia.

**2. Kĩ năng:** Rèn cho học sinh kĩ năng tính giá trị của biểu thức.

**Hình thành phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**Góp phần phát triển năng lực:** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

**\*Bài tập cần làm:** Làm bài tập 1,2,3.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng:**

- Giáo viên: Sách giáo khoa; bảng phụ ghi nội dung bài tập.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

**2. Phương pháp, kĩ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.HĐ khởi động (5 phút):**  - Trò chơi: ***Gọi thuyền:***  - Cách chơi:  + Trưởng trò hô: Gọi thuyền, gọi thuyền...  + Cả lớp đáp: Thuyền ai, thuyền ai  + Trưởng trò hô: Thuyền....(Tên học sinh)  + Học sinh hô: Thuyền... chở gì?  + Trưởng trò : Chuyền....chở  bài toán 10 x8- 20= ?  (....)  - Tổng kết – Kết nối bài học.  - Giới thiệu bài – Ghi đầu bài lên bảng. | - Học sinh tham gia chơi.    - Lắng nghe.  - Mở vở ghi bài. |
| **2. HĐ thực hành (25 phút):**  **\* Mục tiêu:** Biết tính giá trị của biểu thức các dạng: chỉ có phép cộng, phép trừ; chỉ có phép nhân, phép chia; có các phép cộng, trừ, nhân, chia.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Bài 1: (Cá nhân - Cặp đôi – Chia sẻ trước lớp)**  - Giáo viên theo dõi, hỗ trợ học sinh cò lúng túng.    - Giáo viên nhận xét chung.  - Nêu lại quy tắc tính giá trị của biểu thức.  **Bài 2: (Cá nhân - Cặp đôi – Chia sẻ trước lớp)**  - Yêu cầu học sinh làm bài cá nhân.    - Giáo viên nhận xét chung.  **Bài 3:** **(Cá nhân - Cặp đôi – Chia sẻ trước lớp)**  - Giáo viên cho học sinh làn bài cá nhân.    - Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh.  **Bài 4: *(Bài tập chờ*** *- Dành cho đối tượng hoàn thành sớm)*  - Giáo viên kiểm tra, đánh giá riêng từng em. | - Học sinh làm bài cá nhân.  - Trao đổi cặp đôi.  - Chia sẻ trước lớp:  a) 125 – 85 + 80 = 40+ 80                            = 120      21 x 2 x 4 = 42 x 4                      =168  b) 68 + 32 – 10 = 100 – 10                          = 90      147 : 7 x 6 = 21 x 6                       = 126  - Học sinh nêu.    - Học sinh làm bài cá nhân sau đó trao đổi cặp đôi rồi chia sẻ trước lớp:  81 : 9 + 10 = 9 + 10                    =   19  20 x 9 : 2 = 180 : 2                  =    90  11 x 8 - 60 = 88 - 60                    =     28  12 + 7 x 9 = 12 + 63                  = 75    - Học sinh làm cá nhân.  - Trao đổi cặp đôi.  - Chia sẻ kết quả:  a) 81 ; 9 + 10 = 9 + 10                        = 19  ( Các câu khác ... tương tự)  - Học sinh tự làm bài rồi báo cáo sau khi hoàn thành. |
| **3. HĐ ứng dụng (3 phút)**    **4. HĐ sáng tạo (2 phút)** | - Về xem lại bài đã làm trên lớp.  - Trò chơi “Nối nhanh, nối đúng”: Nối cột A với cột B cho thích hợp.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **A** |  | **B** | | 48 + 10 : 2 |  | 60 | | 9 x  6 : 3 |  | 53 | | 13 x 4 – 38 |  | 14 | | 75 : 5 x 4 |  | 18 |   - Suy nghĩ, thử tính giá trị của hai biểu thức sau:  (36 + 12) : 6 và 36 + 12 : 6. Sau đó so sánh hai kết quả vừa tìm được. |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

....................................................................

...........................................................................................